UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 16 /2014/QĐ-UBND	*Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 3 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 04/2009/NĐ-CP ngày 14/01/2009 của Chính phủ về ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp;

Thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 19/5/2009 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn Hà Tĩnh giai đoạn 2009 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

Thực hiện Nghị quyết số 73/2013/NQ-HĐND ngày 18/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển cụm công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 101 /TTr - SCT ngày 18/3/2014, kèm theo Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp số 230/BC-STP ngày 17/3/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020.

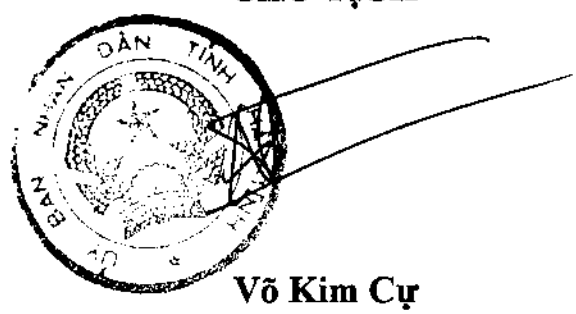
Điều 2. Giao Sở Công Thương chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND huyện, thành phố, thị xã hướng dẫn, triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ban hành; bãi bỏ Khoản 1 và Khoản 2, Điều 5, Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND ngày 21/3/2012 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành liên quan; Chủ tịch UBND huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Website Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Huyện ủy, Thành uỷ, Thị ủy;
- HĐND huyện, thành phố, thị xã;
- Các Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Các tổ chuyên viên VP/UB;
- Lưu: VT, TH, CN_1 .
- Gửi: VB giấy và điện tử.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Võ Kim Cự

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020

(kèm theo Quyết định số 16/2014/QĐ-UBND ngày 28/ 3 / 2014 của UBND tỉnh)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này cụ thể hoá các chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp; đầu tư sản xuất, kinh doanh và dịch vụ trong cụm công nghiệp; trách nhiệm quản lý nhà nước đối với việc xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 được ban hành tại Nghị quyết 73/2013/NQ-HĐND ngày 18/12/2013 của HĐND tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các doanh nghiệp, tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam trực tiếp đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp đảm bảo các điều kiện liên quan theo quy định (sau đây gọi chung là đơn vị đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp).

b) Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác được thành lập theo quy định của pháp luật; cá nhân, hộ gia đình đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, thực hiện đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đảm bảo các điều kiện liên quan theo quy định. (sau đây gọi chung là cơ sở sản xuất, kinh doanh).

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Mỗi đơn vị thực hiện đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp hoặc hoạt động sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp chỉ được ngân sách hỗ trợ tối đa 01 lần theo Quyết định này.

2. Hàng năm, nguồn hỗ trợ từ ngân sách được ưu tiên theo thứ tự: Đơn vị đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp; các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp và hỗ trợ chủ đầu tư (UBND cấp huyện) xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

3. Đơn vị được hỗ trợ từ ngân sách phải sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ, chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện thanh toán, quyết toán số vốn được hỗ trợ theo quy định hiện hành.

Điều 3. Kinh phí và nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí

Tổng kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Quyết định này giai đoạn 2014 - 2020 là 2.194 tỷ đồng, trong đó:

- Nguồn vốn từ ngân sách trung ương: 138 tỷ đồng;
- Nguồn vốn từ ngân sách tỉnh: 373 tỷ đồng;
- Nguồn vốn từ ngân sách cấp huyện: 115 tỷ đồng;
- Nguồn vốn từ doanh nghiệp và nguồn khác: 1.568 tỷ đồng.

2. Nguồn kinh phí thực hiện

a) Ngân sách nhà nước

- Ngân sách trung ương: Lồng ghép từ nguồn hỗ trợ có mục tiêu theo Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010; Quyết định số 577/QĐ-TTg ngày 11/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ; vốn các chương trình, dự án (như xây dựng nông thôn mới, giải quyết việc làm, ô nhiễm môi trường, khoa học công nghệ, cơ sở hạ tầng làng nghề; khuyến công...).

- Ngân sách tỉnh bố trí trong dự toán hàng năm để thực hiện chính sách phát triển cụm công nghiệp phù hợp với khả năng ngân sách từng thời kỳ.

- Ngân sách huyện, thành phố, thị xã (gọi chung là ngân sách cấp huyện) cân đối bố trí từ nguồn sự nghiệp kinh tế, nguồn tăng thu ngân sách và các nguồn khác để thực hiện chính sách.

b) Nguồn vốn từ doanh nghiệp, hợp tác xã và các nguồn khác.

Chương II
CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 4. Thực hiện các cơ chế, chính sách đã ban hành

1. Đối với chính sách về đất đai, chính sách thuế và chính sách đối với người lao động: Thực hiện theo các quy định hiện hành của cấp có thẩm quyền.

2. Đối với dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn được hưởng ưu đãi theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ; đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ được hưởng ưu đãi theo Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg ngày 24/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Về ưu đãi tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu theo quy định tại Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30/8/2011; Nghị định số 54/2013/NĐ-CP ngày 22/5/2013; Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ và các quy định hiện hành.

4. Được hưởng các chính sách ưu đãi quy định tại Điều 4, Điều 6, Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND ngày 21/3/2012 của UBND tỉnh.

5. Được tạo điều kiện vay vốn ưu đãi từ Quỹ đầu tư phát triển tỉnh, Quỹ khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp các dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm và dự án trực tiếp sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp được hưởng các chính sách ưu đãi khác nhau thì Nhà đầu tư được lựa chọn hình thức ưu đãi cao nhất.

Điều 5. Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Cụm công nghiệp đề nghị hỗ trợ hạ tầng phải nằm trong quy hoạch phát triển cụm công nghiệp đã được UBND tỉnh phê duyệt hoặc được bổ sung vào Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp theo từng thời kỳ.

b) Từ năm 2015 trở đi, cụm công nghiệp đề nghị hỗ trợ hạ tầng phải thực hiện đầy đủ các thủ tục thành lập, quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Riêng năm 2014 việc hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp được thực hiện như những năm trước đây.

c) Chủ đầu tư có văn bản cam kết bỏ vốn (tự có hoặc huy động nguồn hợp pháp ngoài phần ngân sách tỉnh hỗ trợ để đầu tư xây dựng hoàn thành công trình).

2. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ đơn vị đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp:

- Hỗ trợ chi phí san lấp mặt bằng: Trên cơ sở hồ sơ thiết kế, dự toán được phê duyệt và khối lượng thực tế được nghiệm thu, thanh quyết toán, tỉnh hỗ trợ sau đầu tư chi phí san lấp mặt bằng cho nhà đầu tư với các mức hỗ trợ như sau:

+ 02 tỷ đồng đối với cụm công nghiệp có giá trị san lấp từ 20 tỷ đồng đến dưới 30 tỷ đồng;

+ 03 tỷ đồng đối với cụm công nghiệp có giá trị san lấp từ 30 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng;

+ 05 tỷ đồng đối với cụm công nghiệp có giá trị san lấp từ 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng;

+10 tỷ đồng đối với cụm công nghiệp có giá trị san lấp từ 100 tỷ đồng đến 200 tỷ đồng;

+15 tỷ đồng đối với cụm công nghiệp có giá trị san lấp trên 200 tỷ đồng.

- Hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý nước thải, chất thải tập trung trong cụm công nghiệp: Sau khi triển khai xây dựng xong công trình xử lý nước thải, chất thải, được tỉnh hỗ trợ sau đầu tư 10% giá trị quyết toán đối với phần xây lắp công trình xử lý nước thải cho mỗi cụm công nghiệp nhưng không quá 3 tỷ đồng.

b) Hỗ trợ chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp thuộc UBND cấp huyện: Đến 30/5 hàng năm, trên cơ sở dự kiến nguồn vốn hỗ trợ đơn vị đầu tư kinh doanh hạ tầng và các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp, số kinh phí còn lại sẽ được hỗ trợ hạ tầng cụm công nghiệp cho đơn vị thuộc UBND cấp huyện làm chủ đầu tư.

Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Tài Chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư lựa chọn danh mục xây dựng kết cấu hạ tầng trong cụm công nghiệp đề nghị hỗ trợ, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 6. Hỗ trợ dự án sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp

1. Hỗ trợ chi phí san lấp mặt bằng

Nhà đầu tư thực hiện dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp đã được đầu tư kết cấu hạ tầng hoặc cụm công nghiệp chưa được đầu tư hạ tầng kỹ thuật nhưng đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết.

Nếu Nhà đầu tư tự bỏ vốn để san lấp mặt bằng; sau khi hoàn thành, căn cứ hồ sơ thiết kế, dự toán được phê duyệt và khối lượng thực tế thi công nghiệm thu, thanh quyết toán, được ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% chi phí san lấp mặt bằng nhưng tối đa không quá theo các mức sau:

a) Dự án có tổng vốn đầu tư từ 5 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng: Hỗ trợ 100 triệu đồng;

b) Dự án có tổng vốn đầu tư từ 10 tỷ đồng đến dưới 30 tỷ đồng: Hỗ trợ 300 triệu đồng;

c) Dự án có tổng vốn đầu tư từ 30 tỷ đến dưới 50 tỷ đồng: Hỗ trợ 500 triệu đồng;

d) Dự án có tổng vốn đầu tư từ 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ: Hỗ trợ 01 tỷ đồng;

e) Dự án có tổng vốn đầu tư từ 100 tỷ đồng đến dưới 200 tỷ: Hỗ trợ 02 tỷ đồng;

g) Dự án có tổng vốn đầu tư từ 200 tỷ đồng đến dưới 300 tỷ: Hỗ trợ 03 tỷ đồng;

h) Dự án có tổng vốn đầu tư từ 300 tỷ đồng trở lên: Hỗ trợ 04 tỷ đồng.

2. Hỗ trợ công trình xử lý môi trường của dự án:

Hỗ trợ 50% chi phí thực hiện công trình đầu tư để xử lý môi trường của dự án, nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/dự án và không quá 01 lần.

Điều 7. Hỗ trợ dự án sản xuất, kinh doanh di dời vào cụm công nghiệp

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh khi thực hiện di dời dự án vào cụm công nghiệp, ngoài được hưởng các chính sách quy định tại điều 6 Quy định này, còn được hưởng các cơ chế, chính sách sau:

1. Hỗ trợ tháo dỡ, bốc xếp, vận chuyển di dời

Hỗ trợ 50% chi phí di dời hợp pháp (tháo dỡ nhà xưởng, thiết bị và vận chuyển, lắp đặt tại địa điểm mới) nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng đối với một cơ sở sản xuất kinh doanh.

2. Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh mới trong cụm công nghiệp

a) Được ưu tiên vay vốn đầu tư từ Quỹ đầu tư phát triển tỉnh hoặc Ngân hàng Phát triển chi nhánh Hà Tĩnh.

b) Được hỗ trợ 20% số tiền phải trả lãi suất cho số vốn vay để trực tiếp xây dựng dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp với thời gian hỗ trợ 24 tháng.

Chương III
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THỰC HIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 8. Quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước

1. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp các sở ngành, đơn vị, địa phương tổ chức phổ biến, hướng dẫn triển khai đến các tổ chức, cá nhân có liên quan biết và thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan hướng dẫn UBND các huyện, thành phố, thị xã lựa chọn các dự án đảm bảo các điều kiện được hỗ trợ theo chính sách này, tổng hợp, thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

c) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, định kỳ hàng năm rà soát, tổng hợp đánh giá tình hình thực hiện Quyết định này báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì phối hợp với Sở Công Thương, UBND các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch, tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp.

b) Cân đối bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu về đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp theo Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản liên quan khác để bổ sung nguồn hỗ trợ hàng năm.

c) Phối hợp với Sở Công Thương, Sở Tài chính theo dõi, kiểm tra việc sử dụng kinh phí hỗ trợ, hiệu quả hoạt động của dự án theo đúng quy định.

3. Sở Tài Chính

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện chính sách này trong dự toán chi ngân sách địa phương hàng năm.

b) Chủ trì phối hợp với Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ngành liên quan ban hành văn bản liên ngành hướng dẫn quy trình, hồ sơ, thủ tục hỗ trợ, cấp phát, thanh quyết toán nguồn kinh phí thực hiện chính sách này theo đúng quy định.

c) Phối hợp với Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc xét hỗ trợ đầu tư vào các cụm công nghiệp trên địa bàn.

4. Các sở, ngành có liên quan

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của mình có trách nhiệm thực hiện và phối hợp với Sở Công Thương thực hiện Nghị quyết số 73/2013/NQ-HĐND ngày 18/12/2013 của HĐND tỉnh và Quyết định số 18/2011/QĐ-UBND ngày 11/7/2011 của UBND tỉnh.

5. Uỷ ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã

a) Phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

b) Chủ động bố trí ngân sách huyện, kết hợp với vốn hỗ trợ của ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh triển khai thực hiện tốt Quyết định này. Quản lý, cấp phát và thanh quyết toán nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp theo đúng quy định hiện hành.

c) Chỉ đạo phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng trong thực hiện chức năng cơ quan đầu mối giúp UBND cấp huyện quản lý nhà nước về cụm công nghiệp; chỉ đạo các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện thực hiện việc kiểm tra các quy định về sử dụng đất đai, lao động, phòng chống cháy nổ, môi trường...

d) Chịu trách nhiệm thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng để bàn giao cho Nhà đầu tư, Chủ đầu tư theo phân cấp hoặc theo ủy quyền của UBND tỉnh; Thực hiện việc kêu gọi các tổ chức, cá nhân thực hiện việc đầu tư và kinh doanh hạ tầng cụm; thu hút các dự án đầu tư vào cụm công nghiệp.

e) Xây dựng danh sách, lộ trình, kế hoạch di dời các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong các làng nghề, khu dân cư có khả năng gây ô nhiễm môi trường, mất an toàn cháy nổ, lao động... vào cụm công nghiệp; đề xuất việc hỗ trợ theo các cơ chế, chính sách quy định tại Quyết định này.

g) Định kỳ 6 tháng tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Sở Công Thương để báo cáo UBND tỉnh, HĐND tỉnh theo quy định.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

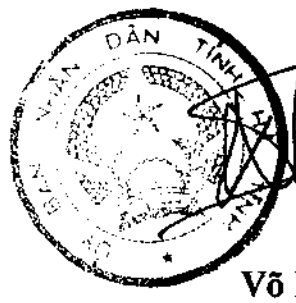
Điều 9. Điều kiện chuyển tiếp

Trường hợp các cụm công nghiệp hiện nay do UBND cấp xã, UBND cấp huyện làm chủ đầu tư nhưng chưa hoàn thành việc xây dựng hạ tầng và đã được ngân sách tỉnh hỗ trợ; khi có đơn vị đầu tư kinh doanh hạ tầng tiếp quản, kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp. UBND cấp xã, cấp huyện có trách nhiệm quyết toán phần vốn đã hỗ trợ từ ngân sách theo quy định.

Giao Sở Tài Chính chủ trì phối hợp với Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện, thành phố, thị xã có liên quan hướng dẫn cụ thể.

Điều 10. Trong quá trình thực hiện, trường hợp gặp khó khăn, vướng mắc hoặc có văn bản quy phạm pháp luật mới cần sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Quy định này, Sở Công Thương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp huyện tổng hợp báo cáo, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Võ Kim Cự